

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 379/2025/DS-PT
Ngày: 24 - 6 - 2025
V/v tranh chấp: “Hợp đồng góp hui”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tuyết Linh**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Văn Đạt**

Ông **Trương Vĩnh Hữu**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy Phương** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:* Bà **Phan Thị Thanh Xuân**- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 199/2025/TLPT-DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng góp hui”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 908/2025/QĐ-PT ngày 21 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trịnh Văn M**, sinh năm 1990 (Xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn:

1. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1968 (Có mặt)

2. Ông **Trịnh Văn Bé T**, sinh năm 1964 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nguyên đơn ông Trịnh Văn M trình bày: Do là chỗ bà con họ hàng nên ông có tham gia 02 dây hụi do bà Nguyễn Thị H làm chủ hụi cụ thể như sau:

+ Dây 1: Hụi 2.000.000 đồng, khai hụi ngày 10/3/2023 (âm lịch), dây hụi này có 30 phần, ông tham gia 03 phần, một tháng khai 01 lần, ông đã đóng được 15 phần và ngưng đóng từ tháng 4/2024 do bế hụi.

Dây hụi này bà H nợ tổng số tiền 3 phần là 90.000.000 đồng.

+ Dây 2: Hụi 2.000.000 đồng, khai hụi ngày 20/9/2022 (âm lịch), dây hụi này có 25 phần, tham gia 02 phần, đã đóng được 21 phần và ngưng đóng từ tháng 4/2024 do bế hụi.

Dây hụi này bà H nợ số tiền là 84.000.000 đồng. Tổng cộng hai dây hụi là 174.000.000 đồng.

Tại thời điểm tham gia hụi do bà H làm chủ hụi là phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của bà H và ông Bé T, số tiền từ tổ chức hụi nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình trong thời kỳ hôn nhân. Vì vậy đây là nợ chung của vợ chồng bà H và ông Bé T nên cả hai đều có nghĩa vụ liên đới trả nợ.

Ông khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị H và Ông Trịnh Văn Bé T có trách nhiệm liên đới trả số tiền hụi là 174.400.000 đồng, yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực.

Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà Thừa nhận thông tin các dây hụi như ông M đã trình bày. Nay sự việc hụi bế không ai mong muốn, xin trả lại vốn gốc cho nguyên đơn. Cụ thể:

+ Dây 1: Hụi 2.000.000đồng, khai hụi ngày 10/3/2023 (âm lịch), dây hụi này có 30 phần, nguyên đơn tham gia 03 phần, một tháng khai 01 lần, ông M đã đóng được 14 phần và ngưng đóng từ tháng 4/2024. Dây hụi này xin trả cho nguyên đơn số tiền vốn đã đóng là 67.200.000 đồng. Đồng ý trả một lần sau khi hụi mãn là tháng 9/2025 (âm lịch)

+ Dây 2: Hụi 2.000.000đồng, khai hụi ngày 20 tháng 9/2022 (âm lịch), dây hụi này có 25 phần, nguyên đơn tham gia 02 phần, đã đóng được 21 phần và ngưng đóng từ tháng 4/2024. Hụi đã mãn tháng vào tháng 8/2024 (âm lịch). Dây hụi này xin trả số tiền vốn đã đóng là 67.200.000 đồng. Đồng ý trả một lần sau 07 tháng tính từ ngày hôm nay 25/11/2024.

Đối với ông Trịnh Văn Bé T hoàn toàn không liên quan gì đến hụi hè, nợ nần. Toàn bộ là nợ của cá nhân bà H, bà sử dụng các khoản từ tổ chức hụi để xoay sở công việc làm ăn. Ông T biết việc bà H tổ chức hụi từ năm 2010 đến nay nhưng hoàn toàn không can dự vào công việc của bà.

Bị đơn ông Trịnh Văn Bé T trình bày: Ông là chồng của bà Nguyễn Thị H, ở chung nhà. Tuy nhiên việc bà H chơi hụi, nợ nần gì khi nào, với ai, ông hoàn

toàn không biết. Việc bà H chơi hụi là để tiêu xài cá nhân. Do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông liên đới trả nợ cùng với bà H, ông hoàn toàn không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang đã áp dụng: - Các Điều 274, 278, 280, 288, 351, 357, 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 244, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn M.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T phải liên đới trả cho ông Trịnh Văn M tổng số tiền nợ hụi là 134.400.000 đồng (*Một trăm ba mươi bốn triệu, bốn trăm nghìn đồng*). Thực hiện nghĩa vụ giao trả ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày ông Trịnh Văn M có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T chậm trả tiền thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tại thời điểm thanh toán.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 04/02/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà.

- Đối với dây hụi khai ngày 10/3/2023 âm lịch, bà H xin trả tiền vốn là 67.200.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 3.200.000 đồng cho đến hết số tiền nợ 67.200.000 đồng. Bắt đầu trả từ tháng 9 năm 2025.

- Đối với dây hụi khai ngày 20/9/2022 âm lịch, bà H xin trả tiền vốn là 67.200.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 3.200.000 đồng cho đến hết số tiền nợ 67.200.000 đồng. Bắt đầu trả từ tháng 8 năm 2024.

- Đối với số tiền nợ hụi của ông Trịnh Văn M là nợ riêng của bà không liên quan đến ông Trịnh Văn Bé T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn giữ nguyên câu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Bà H kháng cáo nhưng không bổ sung được chứng cứ tài liệu gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H, giữ nguyên án sơ thẩm.

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nội dung yêu cầu kháng cáo của bà H, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp “Hợp đồng góp hội” là có cơ sở và phù hợp.

Nguyên đơn ông Trịnh Văn M có đơn xin vắng mặt; Bị đơn ông Trịnh Văn Bé T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ cho người trong hộ nhưng vẫn vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Ông Trịnh Văn M và bà Nguyễn Thị H trình bày thống nhất, thời gian từ năm 2022 đến năm 2023 bà H có làm chủ hội và ông M có tham gia góp hội do bà H làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hội 2.000.000đồng, khai ngày 20/9/2022 âm lịch, hội gồm 25 phần, ông M tham gia 02 phần và đóng được 21 phần đến tháng 4 năm 2024 bà H tuyên bố bế hội, số tiền vốn ông M đã đóng là 67.200.000đồng.

- Dây hội 2.000.000đồng, khai ngày 10/3/2023 âm lịch, hội một tháng khai một lần gồm 30 phần, ông M tham gia 03 phần và đóng được 14 lần đến tháng 4 năm 2024 bà H tuyên bố bế hội, số tiền vốn ông M đã đóng là 67.200.000 đồng.

Tổng số tiền nợ của hai dây hội là 134.400.000đồng, ông M yêu cầu bà H và ông Trịnh Văn Bé T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Bà H cho rằng bà chơi hội để tiêu xài cá nhân ông Bé T hoàn toàn không biết nên không đồng ý ông Bé T phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà và xin trả dần.

Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, bà H không đồng ý nên có yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét nội dung kháng cáo và yêu cầu kháng cáo của bà H, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Bà H thừa nhận ông M có tham gia góp hụi do bà làm chủ và hiện nay bà còn nợ ông M tổng số tiền vốn của hai dây hụi là 134.400.000đồng, lời trình bày này là hoàn toàn phù hợp với lời trình bày và yêu cầu của ông M, đây là những tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà H xin được trả dần số tiền trên nhưng không được ông M đồng ý, vì vậy Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bà H.

[3.2] Bà H kháng cáo cho rằng bà chơi hụi, tiền huê hồng từ hụi là để tiêu xài cá nhân ông B T không biết và cũng không tiêu xài tiền trên. Xét thấy bà H và ông B T là vợ chồng hợp pháp, chung sống một nhà cùng sinh hoạt chung, bà H cho rằng bà dùng tiền huê hồng từ hụi để tiêu xài cá nhân nhưng bà H không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình, hơn nữa sau khi xử sơ thẩm ông B T cũng không kháng cáo đối với phần nghĩa vụ liên quan của ông. Xét yêu cầu kháng cáo này của bà H là không có cơ sở, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 471, Điều 288 Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biếu, phưởng; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 10/2025/DS-ST ngày 20/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Văn M.

Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trịnh Văn M số tiền là 134.400.000đồng (Một trăm ba mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng).

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H và ông Trịnh Văn Bé T liên đới chịu là 6.720.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà H phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm, bà H đã nộp 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003829 ngày 04/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xem như nộp xong án phí phúc thẩm.

H1 lại cho ông Trịnh Văn M 4.360.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003662 ngày 31/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Kể từ ngày ông M yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu bà H, ông Bé T chậm thi hành thì còn phải chịu thêm khoản lãi tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án, lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước, Tiền Giang
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Tuyết Linh

